

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI  
TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Cho mục đích tham khảo thêm thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong một năm tài chính, không phải là báo cáo tài chính theo luật định

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được thành lập ngày 07 tháng 11 năm 2011 sau khi chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí. Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ngày 08 tháng 11 năm 2011, các cổ đông đã thống nhất thông qua thời điểm xác lập quyền lợi hưởng cổ tức của các cổ đông kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011; toàn bộ lợi nhuận được quyết toán trước ngày 01 tháng 12 năm 2011 sẽ được chuyển trả cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí; theo đó, Công ty quyết định lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm đầu tiên của công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với việc nhận bàn giao số liệu từ công ty TNHH và quyết toán với cơ quan thuế. Báo cáo tài chính này được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013.

Bên cạnh đó, Công ty cũng quyết định lập báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 và trình bày số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng bao gồm số liệu của giai đoạn công ty TNHH từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 và giai đoạn công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 nhằm mục đích cung cấp thêm thông tin về hoạt động của Công ty trong cả năm tài chính. Báo cáo tài chính này không phải là báo cáo theo luật định.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Tiến Dương	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2011, miễn nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2012, tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Huỳnh Văn Thi	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2012, miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2012) Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2012)
Ông Trần Mạnh Phương	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2012, miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013) Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2012, miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2012)
Ông Đào Văn Đại	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2011, miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2012, tái bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 6 năm 2012)
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2011, miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2012)
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2012)
Bà Lê Thị Chiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2012)

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**Ban Giám đốc**

Ông Huỳnh Văn Thi	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2012, tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2012)
Ông Trần Mạnh Phương	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2012, miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2012)
Ông Hoàng Đăng Ánh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2012)
Ông Lâm Quốc Khanh	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2011)
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Hồ Minh Trí	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2013)
Ông Trương Minh Tứ	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 9 năm 2012, miễn nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2012)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

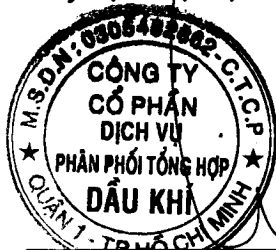
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Huỳnh Văn Thi  
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Số: 893 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản Trị  
Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 18. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tới vấn đề sau:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không phải là báo cáo theo luật định. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 07 tháng 11 năm 2011. Ngày 15 tháng 3 năm 2013, Công ty đã lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm đầu tiên của công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Đồng thời, Công ty cũng quyết định lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và trình bày số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng bao gồm số liệu của giai đoạn công ty TNHH từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 và giai đoạn công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 để cung cấp thêm thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong cả năm tài chính.



**Khắc Thị Đan Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

**Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 3 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Hoàng Văn Kiên**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.820.915.755.034</b>	<b>1.937.650.039.626</b>
(100=110+130+140+150)				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>527.206.222.588</b>	<b>169.870.015.006</b>
1. Tiền	111		75.954.808.213	123.154.647.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		451.251.414.375	46.715.367.250
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>545.755.919.612</b>	<b>546.488.535.678</b>
1. Phải thu khách hàng	131		467.852.825.928	503.660.966.672
2. Trả trước cho người bán	132		4.789.172.809	1.838.905.580
3. Các khoản phải thu khác	135		90.122.428.778	52.736.740.653
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.008.507.903)	(11.748.077.227)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>617.382.056.146</b>	<b>1.086.465.225.530</b>
1. Hàng tồn kho	141		635.242.845.751	1.090.660.128.110
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.860.789.605)	(4.194.902.580)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>130.571.556.688</b>	<b>134.826.263.412</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		816.537.499	296.651.409
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		128.938.663.288	133.982.417.066
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		816.355.901	547.194.937
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>7.767.654.510</b>	<b>5.302.558.428</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.791.273.696</b>	<b>3.115.930.838</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	2.676.090.735	2.965.664.159
- Nguyên giá	222		6.769.975.013	6.205.061.054
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.093.884.278)	(3.239.396.895)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	115.182.961	150.266.679
- Nguyên giá	228		878.148.832	832.825.832
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(762.965.871)	(682.559.153)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>1.000.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	1.000.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.976.380.814</b>	<b>1.186.627.590</b>
1. Tài sản dài hạn khác	268		4.976.380.814	1.186.627.590
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.828.683.409.544</b>	<b>1.942.952.598.054</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.681.597.739.756</b>	<b>1.802.689.164.947</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.679.695.721.487</b>	<b>1.799.416.356.951</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	1.111.978.397.832	1.304.468.664.229
2. Phải trả người bán	312		270.881.332.520	96.929.511.299
3. Người mua trả tiền trước	313		2.236.165.729	328.267.483
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	38.616.341.594	59.597.018.327
5. Phải trả người lao động	315		34.947.193.210	44.535.971.462
6. Chi phí phải trả	316		5.047.791.673	4.805.186.542
7. Phải trả nội bộ	317	11	138.316.862.285	194.601.495.721
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		71.644.185.690	88.740.263.788
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.027.450.954	5.409.978.100
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.902.018.269</b>	<b>3.272.807.996</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.902.018.269	3.272.807.996
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>147.085.669.788</b>	<b>140.263.433.107</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>147.085.669.788</b>	<b>140.263.433.107</b>
1. Vốn điều lệ	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	4.210.828.200
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.977.707.165	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.107.962.623	16.052.604.907
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.828.683.409.544</b>	<b>1.942.952.598.054</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Ngoại tệ các loại

	31/12/2012	31/12/2011
USD	188.168	472.959
EUR	105	104

  
 Phan Hải Âu  
 Người lập biểu

  
 Lê Thị Chiên  
 Kế toán trưởng

  
  
 Phan Văn Thi  
 Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng	01		5.520.883.133.525	6.786.662.655.098
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		257.849.726.920	327.759.729.127
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		5.263.033.406.605	6.458.902.925.971
4. Giá vốn hàng bán	11		4.887.284.237.045	5.840.921.804.577
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		375.749.169.560	617.981.121.394
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	33.969.955.627	24.244.237.528
7. Chi phí tài chính	22	15	105.018.255.997	261.631.494.916
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		85.990.373.892	135.126.443.916
8. Chi phí bán hàng	24		90.809.761.985	125.064.822.618
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		84.902.828.317	104.098.233.542
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		128.988.278.888	151.430.807.846
11. Thu nhập khác	31	16	34.021.165.299	7.751.959.139
12. Chi phí khác	32	16	11.805.496.978	3.412.069.723
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	16	22.215.668.321	4.339.889.416
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		151.203.947.209	155.770.697.262
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	50.119.932.921	42.323.087.023
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	-	9.609.095.066
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		101.084.014.288	103.838.515.173
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18	8.424	-

  
 Phan Hải Âu  
 Người lập biểu

  
 Lê Thị Chiến  
 Kế toán trưởng



  
 Huỳnh Văn Thi  
 Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2012</b>	<b>2011</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>151.203.947.209</i>	<i>155.770.697.262</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	934.894.101	861.034.219
Các khoản dự phòng	03	18.926.317.701	4.078.750.069
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.534.902.307)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(18.178.861.948)	(20.973.440.456)
Chi phí lãi vay	06	85.990.373.892	135.126.443.916
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>237.341.768.648</i>	<i>274.863.485.010</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.469.612.449	(80.530.564.406)
Thay đổi hàng tồn kho	10	455.417.282.359	285.257.691.370
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	51.169.538.634	(298.574.544.383)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(4.392.433.554)	505.945.623
Tiền lãi vay đã trả	13	(87.211.980.353)	(134.767.704.599)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(36.161.691.929)	(82.869.307.624)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.660.169.500	2.313.197.012
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.220.146.236)	(721.423.502)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>616.072.119.518</i>	<i>(34.523.225.499)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(610.236.959)	(2.047.513.998)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	358.139.454
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	1.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(1.000.000.000)
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức nhận được	27	17.225.188.667	20.973.440.456
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>17.614.951.708</i>	<i>18.284.065.912</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	23.904.685.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.409.023.903.832	3.648.048.581.680
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.602.027.815.390)	(3.633.423.979.538)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(83.363.340.325)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(276.367.251.883)</i>	<i>38.529.287.142</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>357.319.819.343</i>	<i>22.290.127.555</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	169.870.015.006	147.443.862.558
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	16.888.239	136.024.893
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	186.758.134.588	169.870.015.006

Phan Hải Âu  
 Người lập biểu

Lê Thị Chiến  
 Kế toán trưởng



Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 265.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được thành lập ngày 07 tháng 11 năm 2011 sau khi chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí. Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí ngày 08 tháng 11 năm 2011, các cổ đông đã thống nhất thông qua thời điểm xác lập quyền lợi hưởng cổ tức của các cổ đông kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011; toàn bộ lợi nhuận được quyết toán trước ngày 01 tháng 12 năm 2011 sẽ được chuyển trả cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí; theo đó, Công ty quyết định lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm đầu tiên của công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với việc nhận bàn giao số liệu từ công ty TNHH và quyết toán với cơ quan thuế. Báo cáo tài chính này được lập ngày 15 tháng 3 năm 2013.

Bên cạnh đó, Công ty cũng quyết định lập báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 và trình bày số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng bao gồm số liệu của giai đoạn công ty TNHH từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 và giai đoạn công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 để cung cấp thêm thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong một năm tài chính. Báo cáo tài chính này không phải là báo cáo theo luật định.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm đầu tiên được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2012</b> <b>(Số năm)</b>
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 5 năm.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

001  
CÔNG  
CH NH  
DEL  
VIỆT  
ĐA

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	715.476.353	1.879.580.181
Tiền gửi ngân hàng	75.239.331.860	121.275.067.575
Các khoản tương đương tiền (i)	451.251.414.375	46.715.367.250
	<b>527.206.222.588</b>	<b>169.870.015.006</b>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	48.210.420.865	121.506.934.597
Hàng hóa	566.695.029.039	951.242.953.240
Hàng gửi đi bán	20.337.395.847	17.910.240.273
<b>Cộng</b>	<b>635.242.845.751</b>	<b>1.090.660.128.110</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.860.789.605)	(4.194.902.580)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>617.382.056.146</b>	<b>1.086.465.225.530</b>

Trong năm, Công ty đã trích bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 13.665.887.025 VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9, Công ty đã thế chấp một phần giá trị hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam.

**7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	3.543.117.432	2.661.943.622	6.205.061.054
Tăng trong năm	-	564.913.959	564.913.959
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>3.543.117.432</b>	<b>3.226.857.581</b>	<b>6.769.975.013</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	1.142.071.675	2.097.325.220	3.239.396.895
Khấu hao trong năm	467.220.396	387.266.987	854.487.383
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.609.292.071</b>	<b>2.484.592.207</b>	<b>4.093.884.278</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2012	1.933.825.361	742.265.374	2.676.090.735
Tại ngày 31/12/2011	2.401.045.757	564.618.402	2.965.664.159

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.570.223.722 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	832.825.832
Tăng trong năm	45.323.000
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>878.148.832</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2012	682.559.153
Khấu hao trong năm	80.406.718
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>762.965.871</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2012	115.182.961
Tại ngày 31/12/2011	150.266.679

**9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (i)	383.278.275.232	387.719.874.292
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	-	53.504.999.759
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (ii)	296.034.897.480	334.040.954.452
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam (iii)	305.159.533.539	121.720.602.380
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-	58.511.267.280
Ngân hàng TNHH Indovina (iv)	127.505.691.581	303.981.477.481
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Chi nhánh quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	-	44.989.488.585
	<b>1.111.978.397.832</b>	<b>1.304.468.664.229</b>

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo 2 hợp đồng sau:

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0122/KH/12NH ngày 26 tháng 4 năm 2012 dưới hình thức tín dụng thư. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc USD tương đương với số tiền tối đa là 400 tỷ VND và đáo hạn vào ngày 30 tháng 4 năm 2013. Khoản vay được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh số 261A/DVTHDK-TCKT ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Lãi và gốc vay được thanh toán chi tiết theo quy định của từng khế ước vay và có thời hạn dưới 6 tháng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 121.612.912.589 VND và 8.791.728,79 USD.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dự phòng số 0111/KH/12NH ngày 27 tháng 4 năm 2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc USD tương đương với số tiền tối đa là 100 tỷ VND và đáo hạn vào ngày 27 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi và gốc vay được thanh toán chi tiết theo quy định của từng khế ước vay và có thời hạn dưới 6 tháng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 21.032.244.006 VND và 2.768.834,2 USD.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam theo Thư tín dụng số VNM 111686 ngày 09 tháng 11 năm 2011. Khoản tín dụng này có thể rút bằng USD hoặc đồng tiền khác tương đương với số tiền rút tối đa là 17 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh số VNM 09121 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí với số tiền 17 triệu USD và Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu số VNM 111686 với giá trị tối thiểu là 18 triệu USD. Khoản vay chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Lãi vay và gốc vay được thanh toán chi tiết theo quy định của từng kế ước nhận nợ và có thời hạn dưới 3 tháng.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng ngày 07 tháng 9 năm 2010 và Hợp đồng sửa đổi ngày 23 tháng 4 năm 2012. Khoản tín dụng này có thể rút bằng USD hoặc đồng tiền khác tương đương với số tiền rút tối đa là 15 triệu USD. Khoản tín dụng này được đảm bảo bằng hàng tồn kho (xem Thuyết minh số 6) và các khoản phải thu của Công ty theo phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp ngày 23 tháng 4 năm 2012. Khoản vay chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Lãi vay và gốc vay được thanh toán chi tiết theo quy định của từng thông báo rút vốn và có thời hạn dưới 4 tháng.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 80/0412/CL/1026876 ngày 24 tháng 4 năm 2012. Hạn mức tín dụng tối đa là 15 triệu USD và đáo hạn vào ngày 24 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, thực hiện theo hình thức tín chấp và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Lãi vay và gốc vay được thanh toán chi tiết theo quy định của từng giấy cam kết trả nợ và có thời hạn dưới 6 tháng.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	41.491.667.404	334.582.970.558	366.509.357.172	9.565.280.790
Thuế xuất, nhập khẩu	3.813.299.935	3.812.292.478	7.365.470.317	260.122.096
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.973.742.859	50.119.932.921	36.161.691.929	27.931.983.851
Thuế thu nhập cá nhân	318.308.129	19.489.006.031	18.948.359.303	858.954.857
Thuế môn bài	-	15.500.000	15.500.000	-
	<b>59.597.018.327</b>	<b>408.019.701.988</b>	<b>429.000.378.721</b>	<b>38.616.341.594</b>

**11. PHẢI TRẢ NỘI BỘ**

Phải trả nội bộ thể hiện số tiền Công ty còn phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>92.000.000.000</b>	<b>29.083.842.146</b>	<b>4.095.315.000</b>	<b>9.609.095.066</b>	<b>134.788.252.212</b>
Tăng vốn góp	23.904.685.000	-	-	-	23.904.685.000
Chuyển về Công ty mẹ	4.095.315.000	-	(4.095.315.000)	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(29.083.842.146)	-	-	(29.083.842.146)
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	4.210.828.200	-	-	4.210.828.200
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	103.838.515.173	103.838.515.173
Phân phối quỹ	-	-	-	(2.269.274.922)	(2.269.274.922)
Kết chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	-	-	-	(95.125.730.410)	(95.125.730.410)
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>4.210.828.200</b>	<b>-</b>	<b>16.052.604.907</b>	<b>140.263.433.107</b>
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(4.210.828.200)	-	-	(4.210.828.200)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	101.084.014.288	101.084.014.288
Trích quỹ (i)	-	-	4.977.707.165	(6.968.790.031)	(1.991.082.866)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(88.059.866.541)	(88.059.866.541)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.977.707.165</b>	<b>22.107.962.623</b>	<b>147.085.669.788</b>

(i) Trong năm, Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền lần lượt là 4.977.707.165 VND và 2.137.338.282 VND. Số tiền tạm trích này sẽ được phê duyệt chính thức trong kỳ họp đại hội đồng cổ đông năm 2013.

(ii) Theo Biên bản họp số 16/BB-PSD-HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Quản trị, Công ty tạm chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền là 88.059.866.541 VND. Số cổ tức tạm chia này sẽ được phê duyệt chính thức trong kỳ họp đại hội đồng cổ đông năm 2013.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 14 ngày 11 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2012	
	VND	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Không có cổ đông sáng lập	113.600.000.000	94,67
Mot East Wing Vietnam Ltd		5.400.000.000	4,50
Các cổ đông khác		1.000.000.000	0,83
	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

	<b>31/12/2012</b>
Số lượng cổ phiếu theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	81.474.756.040	77.670.425.866
Chi phí khấu hao	934.894.101	861.034.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.759.806.579	146.704.421.895
	<b>169.169.456.720</b>	<b>225.235.881.980</b>

**14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, cổ tức	18.178.861.948	20.973.440.456
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.660.930.751	3.270.797.072
Khác	2.130.162.928	-
	<b>33.969.955.627</b>	<b>24.244.237.528</b>

**15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	85.990.373.892	135.126.443.916
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.968.020.433	126.505.051.000
Khác	9.059.861.672	-
	<b>105.018.255.997</b>	<b>261.631.494.916</b>

**16. LỢI NHUẬN KHÁC**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế nhập khẩu được hoàn các năm trước	31.563.205.536	-
Khác	2.457.959.763	7.751.959.139
<b>Thu nhập khác</b>	<b>34.021.165.299</b>	<b>7.751.959.139</b>
Các khoản chi phí thuế	10.998.368.813	2.998.887.157
Khác	807.128.165	413.182.566
<b>Chi phí khác</b>	<b>11.805.496.978</b>	<b>3.412.069.723</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>22.215.668.321</b>	<b>4.339.889.416</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2012	2011
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>151.203.947.209</b>	<b>155.770.697.262</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(586.483.168)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	49.862.267.643	13.521.650.830
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>200.479.731.684</b>	<b>169.292.348.092</b>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	50.119.932.921	42.323.087.023
Thuế thu nhập hoãn lại	-	9.609.095.066
	<b>50.119.932.921</b>	<b>51.932.182.089</b>

**18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	101.084.014.288
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.424

**19. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Quyết định số 2759/QĐ-CT-TTr1-N4 ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh về việc "xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật thuế" đối với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí cho kỳ từ năm 2008 đến năm 2011, Công ty sẽ bị truy thu thuế và phạt vi phạm pháp luật về thuế.

Do chưa thống nhất một số nội dung trong Quyết định xử phạt nêu trên, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ và gửi công văn tới Tổng Cục thuế để làm rõ vấn đề này, theo đó chưa phản ánh các nghĩa vụ này trên báo cáo tài chính. Việc xác định số thuế phải nộp bổ sung từ năm 2008 đến năm 2011 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Tổng Cục thuế.

**20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2012	2011
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	8.729.798.358	7.629.409.898

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.522.853.151	5.251.834.039
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	14.270.424.493	2.262.808.316
	<b>24.793.277.644</b>	<b>7.514.642.355</b>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê văn phòng tại các chi nhánh. Các hợp đồng thuê được ký cho giai đoạn từ tháng 5 năm 2010 đến tháng 6 năm 2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản bảo lãnh từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam cho Công ty vẫn còn hiệu lực. Theo đó, ngân hàng này đã và đang cung cấp cho Công ty các khoản bảo lãnh thanh toán với giá trị bảo lãnh là 40 tỷ VND. Khoản bảo lãnh này nằm trong hạn mức được vay tối đa 17 triệu USD tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam và được thế chấp bằng chính các tài sản đã nêu tại Thuyết minh số 9.

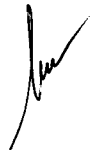
**22. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 15 tháng 6 năm 2012, các cổ đông đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ VND lên 150 tỷ VND theo phương thức phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên trong Công ty. Ngày 25 tháng 3 năm 2013, vốn điều lệ đã được tăng từ 120.000.000.000 VND lên 142.277.000.000 VND. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục đăng ký lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi vốn và hoàn thành các thủ tục đăng ký trở thành công ty đại chúng và dự kiến niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong quý 2 năm 2013.

**23. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2, Công ty quyết định lập bổ sung báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Theo đó, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng bao gồm số liệu của giai đoạn công ty TNHH từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 11 năm 2011 và giai đoạn công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 12 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, được trình bày chỉ cho mục đích tham khảo.

  
Phan Hải Âu  
Người lập biểu

  
Lê Thị Chiến  
Kế toán trưởng

  
  
Huỳnh Văn Thi  
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013